TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 33/2023/HS-ST Ngày 25 - 4 - 2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đường Ngọc Đại và bà Nguyễn Thị Kim Luyến;

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21 /2023/TLST - HSinh ngày 03 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HSinh ngày 28 tháng 03 năm 2023 đối với các bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn H, Sinh năm 1975, giới tính: Nam; Địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/10; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Nguyễn Văn Y và con bà Nguyễn Thị S (Đều đã chết); có vợ và 04 con; lớn Sinh năm 1997, nhỏ Sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

- Về nhân thân:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 89/HSST ngày 13/11/2000, TAND tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 09 tháng tù, về tội: "Trộm cắp tài sản". Ngày 07/3/2001 chấp hành xong hình phạt tù; án phí đã thi hành xong, đã được xóa án.

Ngày 04/02/1999 và 03/8/1999 Nguyễn Văn H bị Công an thị trấn X, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạtiến hành chính về hành vi đánh nhau, gây mất trật tự. Đã được xóa.

Bị cáo bị bắt giữ, tạm giam từ ngày 07/9/2022 đến nay, có mặt;

2. Họ và tên: Đinh Văn S, Sinh năm 1975; giới tính: Nam; địa chỉ: Tổ 3, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Đinh Văn T và con bà Nguyễn Thị L; có vợ Nguyễn Thị H và 03 con lớn Sinh năm 2004, nhỏ Sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, có mặt.

3. Họ và tên: Hoàng Văn H, S ngày: 18/10/1976; giới tính: Nam; địa chỉ: Tổ dân phố Y 2, phường X, P, Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Hoàng Văn Đ và con bà Phan Thị C (Đều đã chết); có vợ là Đinh Thị H có 03 con, lớn Sinh năm 2011, nhỏ Sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Ngọc L, Sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, T.P P, Vĩnh Phúc;

-Chị Dương Thị H, Sinh năm 1964;

Địa chỉ: Thôn X 2, xã C, T.P P, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Anh Nguyễn Văn V, Sinh năm 1967;

Địa chỉ: Tổ dân phố Y 2, phường X, T.P P, tỉnh Vĩnh Phúc;

-Chị Lê Thị Phương L, Sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ 2, phường X, T.P P, tỉnh Vĩnh Phúc;

-Chị Nguyễn Thị T, Sinh năm 1964;

Địa chỉ: Tổ dân phố Y 2, phường X, T.P P, tỉnh Vĩnh Phúc;

-Anh Lưu Bá Q, Sinh năm 1957;

Địa chỉ: Tổ dân phố Y 2, phường X, T.P Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc;

-Anh Đàm Văn H, Sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ 1, phường Đ, T.P P, tỉnh Vĩnh Phúc;

Tất cả đều vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/9/2022, Cơ quan cảnh sát Công an thành phố Phúc Yên nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc Nguyễn Văn H, Sinh năm 1975, trú tại phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc có hành vi bán các số lô, số đề tại khu vực vòng tròn 01, thuộc phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên đã Tiến hành triệu tập đối với Nguyễn Văn H theo quy định.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn H khai nhận đã có hành vi bán các số lô, số đề cho Đinh Văn S và Hoàng Văn H và có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với nhiều người, cụ thể như sau:

1. Hành vi bị cáo Nguyễn Văn H bán các số lô, số đề cho các bị cáo Hoàng Văn H và Đinh Văn S như sau:

Nguyễn Văn H sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen lắp số thuê bao 0913.728.218 và số thuê bao 0332.061.516 (cả 02 số thuê bao trên H không đăng ký chính chủ) để nhận tin nhắn số lô, số đề của Hoàng

Văn H và Đinh Văn S. H thống nhất với H và S về việc mua bán các số lô, số đề như sau:

Sau khi nhận tin nhắn mua các số lô, đề của H và S, nếu đồng ý H nhắn xác nhận "OK1", việc trả tiền T, thua H chốt tin nhắn với người chơi và thanh T sau; căn cứ T thua đánh bạc là dựa vào kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng hồi 18 giờ 15 phút hàng ngày để tính.

Đối với số đề, nếu người chơi đánh trùng với hai số cuối của giải đặc biệt thì người chơi T và được H trả tiền gấp 80 lần số tiền người chơi bỏ ra để đánh số đề . Đối với 3 càng, người chơi đánh trùng với 03 số cuối của giải đặc biệt thì cứ 1000đ tiền đề 3 càng H phải trả 400.000đ. Đối với số lô, H bán cho người mua từ 22.000đ – 23.000đ/1 điểm lô. Trường hợp số lô người chơi đánh trùng với 02 số cuối của bất kì giải thưởng nào trong kết quả xổ số Miền Bắc thì người chơi T và được H trả 80.000đ/ 1 điểm lô, nếu số lô người mua trùng với hai số cuối của nhiều giải thì được tính trúng nhiều lần.

Các số lô, số đề H bán ra cho S và H, H giữ lại toàn bộ các số đó tự tính T thua với H và S, không chuyển bảng cho ai khác.

Bằng phương thức trên, trong khoảng thời gian từ ngày 25/8/2022 đến ngày 26/8/2022, bị cáo Nguyễn Văn H đã tổ chức đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề cho bị cáo Hoàng Văn H và Đinh Văn S, cụ thể như sau:

* Hành vi đánh bạc của Hoàng Văn H thông qua việc mua số lô, số đề của bị cáo Nguyễn Văn H:

- Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 25/8/2022, Hoàng Văn H có sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, bên trong gắn sim số: 0986.919.690 (Sim H đăng ký chính chủ), nhắn tin văn bản (SMS) đến số thuê bao: 0332.061.516 của H được lắp trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen của Nguyễn Văn H để hỏi mua: Các số đề: 50; 66, 48, 68, 86, 50, 05, 55, 00, 56, 65 mỗi số là 50.000đ. Các số lô: 68 là 100 điểm, 86 và 48 mỗi số là 50 điểm, H đồng ý bán các số lô, số đề nêu trên cho H nên nhắn tin trả lời là "OK1". Một điểm lô H bán cho H với giá là 23.000đ. Tổng số tiền H đã mua các số lô, số đề của H là 5.150.000đ. Kết quả H trượt không trúng. Sau đó H sử dụng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7, màu vàng, số Imei 1: 867939047130035; Imei 2: 867939047130027 chụp lại tin nhắn chốt số tiền mua bán số lô, số đề với H, H và H đã xóa toàn bộ nội dung tin nhắn. Số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc của H và H ngày 25/8/2022 là 5.150.000đ; H đã trả đủ tiền cho H.

- Khoảng 18 giờ 03 phút ngày 26/8/2022, H tiếp tục sử dụng chiếc điện thoại di động và sim số nêu trên nhắn tin văn bản SMS đến số thuê bao nêu trên của Nguyễn Văn H hỏi mua các số đề: 75 và 57 mỗi số là 50.000đồng, các số đề 3 càng: 557, 500 mỗi số là 50.000đ và một số đề khác mà H và H đều không nhớ, với tổng số tiền đề H mua của H là 680.000đ. H đồng ý, nhắn tin trả lời là "OK2". Kết quả H trượt toàn bộ, không trúng.

Đến khoảng 19 giờ 09 phút cùng ngày, H nhắn tin chốt nợ với H số tiền đánh đề ngày 26/8/2022 là 680.000đ. Sau đó H sử dụng 01 chiếc điện thoại di

động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, số Imei: 356721084546507, có số thuê bao 0916878338 chụp lại hình ảnh tin nhắn mua số lô, số đề của H sau đó xóa toàn bộ nội dung tin nhắn. Số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc của H và H ngày 26/8/2022 là 680.000đ. Số tiền đánh bạc nêu trên, H đã trả đủ cho H.

*Hành vi đánh bạc của bị cáo Đinh Văn S thông qua việc mua số lô, số đề của bị cáo Nguyễn Văn H:

Khoảng 18 giờ 03 phút ngày 26/8/2022, Đinh Văn S sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen bên trong lắp số thuê bao 0986.468.588 (S đã đăng ký chính chủ) nhắn tin văn bản (SMS) đến số thuê bao: 0913.728.218 của Nguyễn Văn H được lắp trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen để hỏi mua các số đề 3 càng: 473, 474 mỗi số là 150.000đ; số lô: 13, 31, 59, 95, 73 mỗi số là 80 điểm và nhiều số lô, số đề khác S và H đều không nhớ cụ thể. H và S chỉ nhớ tổng số tiền lô, đề, ba càng S mua của H ngày 26/8/2022 là: 18.550.000đ. H đồng ý bán các số lô, số đề cho S và nhắn tin trả lời là "OK1". Một điểm lô H bán cho S với giá là 22.500đ. Kết quả S trúng số lô 31 là 80 điểm x 80.000đ = 6.400.000đồng. Đến khoảng 19 giờ 07 phút cùng ngày H sử dụng điện thoại và số thuê bao nêu trên nhắn tin SMS chốt nợ với S số tiền đánh lô, đề ngày 26/8/2022 là 18.550.000đ. Sau đó H sử dụng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, có số thuê bao 0916878338 và Imei: 356721084546507 chụp lại một phần tin nhắn chốt tiền đánh số lô, số đề của S để lưu lại. Còn tin nhắn mua bán số lô, đề S và H đều xóa hết.

Như vậy, số tiền sử dụng đánh bạc của H và S ngày 26/8/2022 là 18.550.000đ và 6.400.000đ (trúng thưởng) = 24.950.000đ. Số tiền đánh bạc 18.550.000đ, S đã trả đủ cho H, H đã trả cho S số tiền trúng thưởng là 6.400.000đ.

Như vậy tổng số tiền tổ chức đánh bạc của Nguyễn Văn H: ngày 25/8/2022 số tiền sử dụng đánh bạc là 5.150.000 đồng. Ngày 26/8/2022 số tiền sử dụng đánh bạc là 25.630.000 đồng, trong đó: bán số lô, số đề cho Hoàng Văn H số tiền 680.000đồng, Đinh Văn S số tiền 24.950.000đồng.

2. Ngoài hành vi tổ chức đánh bạc như trên, Nguyễn Văn H còn có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự cụ thể như sau:

Trong khoảng thời gian từ 02/9/2018 đến 22/6/2022, Nguyễn Văn H đã cho 07 người khác vay lãi nặng bằng hình thức cho vay lãi ngày, cách thức như sau: Khi vay tiền người vay phải trả số toàn bộ tiền lãi và gốc khi hết thời gian vay, thời gian vay chỉ khoảng 1 tháng có viết giấy vay tiền kiêm nhận nợ và để lại giấy tờ hoặc tài sản đảm bảo. Sau 1 tháng người vay sẽ phải trả số tiền gốc đã vay và số tiền lãi, nếu không trả được gốc thì người vay sẽ phải tiếp tục trả trước tiền lãi trong thời hạn cho đến khi nào trả được hết tiền gốc, tiền lãi có thể đưa trực tiếp cho H hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của H. Một số trường hợp khi cho vay H sẽ trừ, thu luôn tổng tiền lãi trong vòng 01 tháng (30 ngày) nên người vay chỉ nhận được số tiền sau khi đã trừ tiền lãi. Cụ thể từng hành vi như sau:

2.1. Đối với anh Nguyễn Ngọc L, SN: 1981, trú tại thôn Đ, xã N, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc:

- Ngày 15/02/2019, H cho anh L vay số tiền là 5.000.000đ, lãi suất 3.500đ/1.000.000đ/ngày (Lãi xuất 127,75%/ 1 năm). Sau đó, anh L trả lãi cho H đến tháng 5 năm 2019, tổng 03 tháng là 1.575.000đ và đã trả tiền gốc. Lãi xuất H được hưởng theo quy định là 246.575đ; số tiền thu lời bất chính là 1.328.425đ.

- Ngày 08/6/2019, H cho anh L vay số tiền là 10.000.000đ, lãi suất như trên. Sau đó, anh L trả lãi cho H đến tháng 8 năm 2019, tổng 02 tháng là 2.100.000đ và đã trả tiền gốc. Lãi xuất H được hưởng theo quy định là 328.767đ; số tiền thu lời bất chính là 1.771.233đ.

- Ngày 07/9/2019, H cho anh L vay số tiền là 20.000.000đ, lãi suất như trên. Sau đó, anh L trả lãi cho H đến tháng 11 năm 2019, tổng 02 tháng là 4.200.000đ và đã trả tiền gốc. Lãi xuất H được hưởng theo quy định là 657.534đ; số tiền thu lời bất chính là 3.542.466đ.

Như vậy, tổng số tiền gốc L vay của H là 35.000.000đ. Tổng số tiền lãi đã trả: 7.875.000đ, lãi trong hạn là 1.232.876đồng; số tiền lợi bất chính : 7.875.000 – 1.232.876đ = 6.642.124 đồng.

H phải trả L số tiền thu lời bất chính là 6.642.124đ. H phải nộp sung quỹ số tiền gốc cho vay là 35.000.000đ.

2.2. Đối với chị Dương Thị H, SN: 1964, trú tại thôn X 2, xã C, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc:

- Ngày 02/9/2018, H cho chị H vay số tiền là 30.000.000đ, lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/ngày (Lãi xuất 109,5%/ 1 năm) . Sau đó, chị H trả lãi cho H đến tháng 11 năm 2018, tổng 02 tháng là 5.400.000đ. Đầu tháng 12 năm 2018, chị H đã gặp trực tiếp và trả tiền mặt cho H 15.000.000đ tiền gốc, nợ lại 15.000.000đ, chưa trả thêm được tiền lãi.

- Đến ngày 23/01/2019 chị H tiếp tục vay thêm của H số tiền 15.000.000đ. NH từ đó đến nay chị H chưa trả cho H được tiền lãi tháng nào của số tiền vay này và cũng chưa trả tiền gốc tổng 30.000.000đ (Trong đó ngày 02/9/2018 là 15.000.000đ và ngày 23/01/2019 là 15.000.000đ).

Tổng số tiền gốc chị H vay ngày 02/9/2018 là 30.000.000đ, đã trả gốc 15.000.000đồng. Tổng số tiền lãi đã trả: 5.400.000đ, lãi trong hạn là 986.301đ. Lãi thu lợi bất chính: 5.400.000 – 986.301đ = 4.413.699 đồng.

H phải trả H số tiền thu lời bất chính là 4.413.699đ. H phải nộp sung quỹ số tiền gốc cho vay là 15.000.000đ. H phải nộp sung quỹ số tiền gốc chưa trả ngày 02/9/2018 là 15.000.000đ.

2.3. Đối với anh Nguyễn Văn V, SN: 1967, trú tại tổ Y 2, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc:

Ngày 07/6/2019, H cho anh V vay số tiền là 10.000.000đ, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày (Lãi xuất 182,5%/ 1 năm). Sau đó, anh V trả lãi cho H đến tháng 07 năm 2021, tổng 25 tháng là 37.500.000đ và đồng thời đã trả đủ tiền gốc. Tổng số tiền gốc V vay là 10.000.000đ. Tổng số tiền lãi đã trả:

37.500.000đ, lãi trong hạn là 4.109.589đ. Lãi thu lợi bất chính : 37.500.000 – 4.109.589đ = 33.390.411 đồng.

H phải trả V số tiền thu lời bất chính là 33.390.411đ. H phải nộp sung quỹ số tiền gốc cho vay là 10.000.000đ.

2.4. Đối với chị Lê Thị Phương L, SN: 1978, trú tại tổ 2, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc:

Ngày 26/6/2021, H cho chị L vay số tiền là 5.000.000đ, lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/ngày (Lãi xuất 109,5%/1 năm). Chị L trả lãi cho H đến tháng 09 năm 2022, tổng 15 tháng là 6.750.000đ và chưa trả tiền gốc.

Tổng số tiền gốc L vay là 5.000.000đ. Tổng số tiền lãi đã trả: 6.750.000đ, lãi trong hạn là 1.232.877đ. Lãi thu lợi bất chính : 6.750.000 – 1.232.877đ = 5.517.123 đồng. H phải trả L số tiền thu lời bất chính là 5.517.123đ. L phải nộp sung quỹ số tiền gốc chưa trả là 5.000.000đ.

2.5. Đối với chị Nguyễn Thị T Sinh năm 1964, trú tại tổ Y 2, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc:

Ngày 20/7/2020, H cho chị T vay số tiền là 6.000.000đ, lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/ngày (Lãi xuất 109,5%/1 năm). Sau đó, chị T trả lãi cho H đến tháng 8 năm 2020, 01 tháng là 540.000đ và đã trả tiền gốc.

Tổng số tiền gốc T vay là 6.000.000đ. Tổng số tiền lãi đã trả: 540.000đ, lãi trong hạn là 98.630đ. Lãi thu lợi bất chính : 540.000 – 98.630đ = 441.370 đồng.

H phải trả T số tiền thu lời bất chính là 441.370đ. H phải nộp sung quỹ số tiền gốc cho vay là 6.000.000đ.

2.6. Đối với anh Lưu Bá Q Sinh năm 1957, trú tại tổ Y 1, phường X. thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc:

Ngày 11/7/2021, H cho anh Q vay số tiền là 5.000.000đ, lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/ngày (Lãi xuất 109,5%/1 năm). Sau đó, anh Q trả lãi cho H đến tháng 8 năm 2021, 01 tháng là 450.000đ và đã trả tiền gốc.

Tổng số tiền gốc Q vay là 5.000.000đ. Tổng số tiền lãi đã trả: 450.000đ, lãi trong hạn là 82.192đ. Lãi thu lợi bất chính : 450.000 – 82.192đ = 367.808 đồng.

H phải trả Q số tiền thu lời bất chính là 367.808 đ. H phải nộp sung quỹ số tiền gốc cho vay là 5.000.000đ.

2.7. Đối với anh Đàm Văn H, SN: 1983, trú tại Tổ 1, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc:

Ngày 21/4/2020, H cho anh H vay số tiền 10.000.000đ, lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/ngày (lãi suất 146%/năm). Anh H viết giấy vay tiền cho H và không phải để lại giấy tờ hay tài sản gì để thế chấp. Đến tháng 6 năm 2020, anh H đã trả cho H số tiền là 12.400.000đ, trong đó 10.000.000đ là tiền gốc và số tiền lãi của 02 tháng (60 ngày) là 2.400.000đ.

Tổng số tiền gốc H vay là 10.000.000đ. Tổng số tiền lãi đã trả: 2.400.000đ, lãi trong hạn là 328.767đ. Lãi thu lợi bất chính: 2.400.000 – 328.767đ = 2.071.233 đồng.

H phải trả H số tiền thu lời bất chính là 2.071.233đ. H phải nộp sung quỹ số tiền gốc cho vay là 10.000.000đ.

Ngoài ra, Nguyễn Văn H còn cho 04 người khác vay không tính lãi, lãi suất thấp hơn mức lãi suất trên 20%/ năm, lãi xuất cao nhưng người vay chưa trả lãi nên không thỏa mãn yếu tố cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, không xác định đây là hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự cụ thể:

-Ngày 16/10/2021 cho anh Khuất Duy Hòa sinh năm 1990, trú tại tổ 1, Đ, Phúc Yên, Vĩnh Phúc vay số tiền 30.000.000đ với lãi suất 2.000.000đ/30.000.000đ/ 1 tháng tương đương 81,1 %/ 1 năm;

-Ngày 27/7/2021 H cho anh Ngô Văn T vay số tiền 5.000.000đ mức lãi suất 2.000đ/ 1.000.000đ/ 1 ngày, tương đương 73%/ 1 năm;

-Ngày 11/6/2022 H có cho anh Nguyễn Quyết T Sinh năm 1985, trú tại tổ 1, X, Phúc Yên, Vĩnh Phúc vay số tiền 10.000.000đ không tính lãi, anh T trả tiền gốc cho H;

-Ngày 02/9/2018 H cho anh Đinh Ngọc H Sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố Đ, Đ, P, Vĩnh Phúc vay tiền số tiền 5.000.000đ có viết giấy vay tiền, thỏa thuận lãi suất 3000đ/1.000.000đ/1 ngày (tương đương 109%/ 1 năm), không để lại tài sản thế chấp nhưng đến nay H chưa trả lãi và gốc cho H.

Như vậy, tổng số tiền gốc bị cáo Nguyễn Văn H đã cho 07 người vay là 101.000.000đ, trong đó tiền lãi cao nhất theo quy định (20%/năm quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự) là 8.071.233đ, số tiền thu lời bất chính (là tiền lãi vượt quá 20%/năm quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự) là 52.843.768đ. Người vay đã trả gốc là 81.000.000đ, chưa trả tiền gốc: 20.000.000đ.

Đối với chị Trần Thị B Sinh năm 1987 trú tại X, P, Vĩnh Phúc (vợ của Nguyễn Văn H) không biết và không liên quan đến hoạt động cho vay lãi và bán số lô, số đề của Nguyễn Văn H nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với hành vi của mua số lô, số đề ngày 26/8/2022 của Hoàng Văn H với tổng số tiền 680.000đ dưới 5.000.000đ, nhân thân Hoàng Văn H chưa có tiền án, tiền sự về các tội quy định tại điều 321, 322 Bộ luật hình sự, nên hành vi này không cấu thành tội Đánh bạc theo Điều 321 Bộ luật Hình sự. Công an thành phố Phúc Yên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H theo quy định tại khoản 1, Điều 28, Nghị định 144/2021/NĐ - CP với mức phạt tiền là 350.000đ, là có căn cứ.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:

- Thu giữ của Nguyễn Văn H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7 màu vàng, số Imel 1: 867939047130035, số Imel 2: 867939047130027 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, số Imel: 356721084546507, bên trong gắn thẻ sim vinaphone số 0916.878.338, điện thoại đã cũ đã qua sử dụng.

- Thu giữ của Đinh Văn S: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen, Imei: 353843083301685; bên trong lắp sim 0913.433.884, đã cũ qua sử dụng.

- Thu giữ của Hoàng Văn H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, Imei 1: 869563044294657; Imei 2: 869563044294640; bên trong lắp sim 0986.919.690, đã cũ và qua sử dụng.

Ngoài ra, ngày 08/9/2022 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên Tiến hành khám xét tại nhà của Nguyễn Văn H thu giữ những đồ vật, tài liệu liên quan cụ thể như sau:

Thu giữ tại kệ ti vi phòng khách**:** 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu bạc, có số IMEI 1: 863557051052814; IMEI 2: 863557051052806, đã cũ, đã qua sử dụng;

Thu giữ trong phòng ngủ tầng 2 (phòng thứ nhất hướng từ ngoài đường đi vào): 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng, có số IMEI: 013437001981876, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng;

Thu trong két sắt trong phòng ngủ tầng 2 nêu trên là 14 giấy vay tiền gồm: 01 giấy vay mang tên người vay Nguyễn Văn V; 03 giấy vay mang tên Nguyễn Ngọc L; 02 Dương Thị H (02 giấy); 01 giấy vay tiền mang tên người vay Khuất Duy Hòa; 01 giấy vay tiền mang tên người vay Lê Thị Phương L; 01 giấy vay tiền mang tên người vay Nguyễn Quyết T; 01 giấy vay tiền mang tên người vay Ngô Văn T; 01 giấy vay tiền tên người vay Đinh Ngọc H; 01 giấy vay tiền mang tên người vay Đàm Văn H; 01 giấy vay tiền mang tên người vay Nguyễn Thị T; 01 giấy vay tiền mang tên người vay Lưu Bá Q.

Riêng đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, bên trong lắp sim số: 0332.061.516 và sim số: 0913.728.218 của Nguyễn Văn H và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, bên trong lắp sim số: 0986.468.588 của Đinh Văn S. Quá trình điều tra xác định 02 chiếc điện thoại này H và S đều sử dụng vào mục đích mua bán số lô, số đề. Tuy nhiên, sau đó H và S đều làm rơi mất 02 chiếc điện thoại này, do đó Cơ quan Cơ quan điều tra không thu hồi được.

* Kết quả trưng cầu giám định:

Ngày 14/10/2022, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phúc Yên ra Quyết định trưng cầu số 396 và 397, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc Tiến hành giám định kỹ thuật số, điện tử đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số Imei: 356721084546507 của Nguyễn Văn H và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, số Imei 1: 869563044294657; Imei 2: 869563044294640 của Hoàng Văn H.

Ngày 24/11/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Bản kết luận giám định 3464: đã trích xuất được 02 tập tin ảnh từ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số Imei: 356721084546507 của Nguyễn Văn H thể hiện nội dung nhắn tin với người được lưu là "Ban Hai" và "S", kèm theo 01 phụ lục.

Ngày 28/11/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Bản kết luận giám định 3502 kết luận: Qua phân tích dữ liệu yêu cầu giám định. Không tìm thấy tin nhắn giữa số điện thoại 0986919690 và số điện thoại 0916878338, trong thời gian ngày 25/8/2022 đến ngày 26/8/2022.

- Ngày 09/01/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra ra Quyết định trưng cầu, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc Tiến hành giám định kỹ thuật số, điện tử đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7, màu vàng, số Imei 1: 867939047130035; Imei 2: 867939047130027 của Nguyễn Văn H. Ngày 13/01/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Bản kết luận giám định số 121: đã trích xuất được 01 tập tin hình ảnh, kèm theo 01 phụ lục.

* Kết quả thu giữ thư tín, điện tín:

Ngày 09/01/2023 Coq quan điều tra đã có công văn số 72 đề nghị Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông quân đội (Viettel) cung cấp thông tin chủ thuê bao, lịch sử cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, tin nhắn đi và tin nhắn đến đối với các số thuê bao: 0986.468.588 và 0986.919.690.

Ngày 17/01/2023 Tập đoàn Công nghiệp viễn thông quân đội Viettel có bàn giao kết quả: Số thuê bao 0986.919.690 chủ thuê bao là Hoàng Văn H Sinh ngày 18/10/1976, địa chỉ: Y 2, X, Phúc Yên, Vĩnh Phúc. Số thuê bao 0986.468.588 chủ thuê bao Đinh Văn S Sinh ngày 18/02/1975, địa chỉ: Đ, Phúc Yên, Vĩnh Phúc.

Ngày 09/01/2023 CQĐT đã có công văn số 73 đề nghị Tổng công ty hạ tầng mạng (VNPT net) cung cấp thông tin chủ thuê bao, lịch sử cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, tin nhắn đi, tin nhắn đến của số thuê bao di động sau: 0916.878.338.

Ngày 25/01/2023 Tổng công ty hạ tầng mạng (VNPT net) có kết quả: Số thuê bao 0916.878.338 chủ thuê bao là Nguyễn Văn H Sinh ngày 01/10/1975, địa chỉ: Y 2, X, Phúc Yên, Vĩnh Phúc;

Ngày 18/01/2023 đã có công văn số 103 đề nghị Tổng công ty hạ tầng mạng (VNPT net) cung cấp thông tin chủ thuê bao, lịch sử cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, tin nhắn đi, tin nhắn đến của số thuê bao di động sau: 0913.728.218

Ngày 10/02/2023 Tổng công ty hạ tầng mạng (VNPT net) có kết quả phúc đáp công văn 103 của cơ quan điều tra xác định: Số thuê bao 0913.728.218 đăng kí chủ thuê bao là Hoàng Thị A sinh ngày 29/09/1984, địa chỉ: số 09, Ngõ 219, N, K, T, Hà Nội (đăng kí ngày 06/10/2021). Cơ quan cảnh sát điều tra đã lấy lời khai, chị A làm rõ: chị Ánh không sử dụng số điện thoại 0913.728.218 và không cho bất cứ ai mượn tên, CMND để đăng ký số thuê bao nêu trên, không quen ai tên Nguyễn Văn H và Đinh Văn S ở Vĩnh Phúc.

Ngày 18/01/2023 Cơ quan điều tra đã có công văn số 104 đề nghị Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông quân đội (Viettel) cung cấp thông tin chủ thuê bao, lịch sử cuộc gọi đi, cuộc gọi đến, tin nhắn đi và tin nhắn đến đối của số thuê bao: 0332.061.516.

Ngày 01/02/2023 Tập đoàn Công nghiệp viễn thông quân đội Viettel có bàn giao kết quả: Số thuê bao 0332.061.516 đăng kí chủ thuê bao là Nguyễn Thị V sinh ngày 25/11/1972, địa chỉ: T, H, H, Nghệ An. Cơ quan CSĐT đã lấy lời khai, làm việc với chị V làm rõ: chị V không sử dụng số điện thoại 0332.061.516 và không cho bất cứ ai mượn tên, CMND để đăng ký số thuê bao nêu trên, không quen ai tên Nguyễn Văn H và Hoàng Văn H ở Vĩnh Phúc.

Tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa các bị cáo H, S và H đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố.

Tại Cáo trạng số: 28/CT - VKSPY ngày 02 tháng 3 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và tội: "Tổ chức đánh bạc". Bị cáo Đinh Văn S và bị cáo Hoàng Văn H về tội: "Đánh bạc".

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử;

1) Đối với bị cáo H:

-Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 36; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; quy đổi ra từ 04 tháng đến 05 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 01 năm 09 tháng đến 01 năm 10 tháng tù về tội: "Tổ chức đánh bạc".

-Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự; Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 02 năm 01 tháng đến 02 năm 03 tháng tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 07/9/2022.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự; phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn H từ 30.000.000đồng đến 35.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước;

Áp dụng khoản 3 Điều 322 của Bộ luật hình sự; phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn H từ 20.000.000đồng đến 25.000.000đồng để sung công quỹ Nhà nước;

2) Đối với bị cáo S:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, 3 khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đinh Văn S từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 05 tháng tù; cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 02 năm 08 tháng đến 02 năm 10 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đinh Văn S cho Uỷ ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp

người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự; phạt bổ sung bị cáo Đinh Văn S từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng để sung công quỹ Nhà nước;

3) Đối với bị cáo H:

-Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, 3 khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 07 tháng đến 08 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 04 tháng . Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Văn H cho Uỷ ban nhân dân phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự; phạt bổ sung bị cáo Hoàng Văn H từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng để sung công quỹ Nhà nước;

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Truy thu của Nguyễn Văn H tổng số tiền 166.295.000đ, trong đó bao gồm: số tiền tổ chức đánh bạc là 24.380.000đ (Hai mươi tư triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) bao gồm: 5.830.000đ tiền đánh bạc với Hoàng Văn H ngày 25/8/2022 và ngày 26/8/2022 và số tiền 18.550.000đ đánh bạc với Đinh Văn Sinh ngày 26/8/2022; số tiền cho vay lãi nặng là 141.915.000đ, bao gồm: tiền lãi tối đa được hưởng theo quy định; 8.071.233đ, số tiền thu lời bất chính là 52.843.768đ trả lại cho người vay. Khách vay đã trả gốc 81.000.000đ.

- Truy thu của Đinh Văn S số tiền 6.400.000đ (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) là số tiền S trúng số lô ngày 26/8/2022.

- Truy thu những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) nộp sung công quỹ Nhà nước số tiền còn lại chưa trả bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 20.000.000đ gồm: Dương Thị H phải nộp 15.000.000đ; Lê Thị Phương L phải nộp 5.000.000đ.

- Tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7, màu vàng của Nguyễn Văn H và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh của Hoàng Văn H.

- Trả lại cho bị cáo Đinh Văn S 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, có số Imei: 353843083301685, đã cũ đã qua sử dụng; nH tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu bạc, có số Imei1: 863557051052814; số Imei2: 863557051052806, đã cũ đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng; nH tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với hành vi đánh bạc của các bị cáo đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người Tiến hành tố tụng đối với hành vi đánh bạc đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2] Xét lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Biên bản làm việc, Kết luận giám định, Biên bản niêm phong, biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu; Biên bản khám xét, Biên bản kiểm tra điện thoại di động, Biên bản kết quả xổ số kiến thiết miền bắc ngày 26/8/2022 cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 25/8/2022 đến ngày 26/8/2022, Nguyễn Văn H đã có hành vi tổ chức đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề cho Đinh Văn S và Hoàng Văn H qua tin nhắn văn bản (SMS) với tổng số tiền đánh bạc trong các ngày là 30.780.000đồng. H thu lời bất chính số tiền 24.380.000đồng.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 11 năm 2021, tại khu vực phường X, thành P, Vĩnh Phúc; Nguyễn Văn H còn có hành vi cho 07 người khác vay tiền, lãi suất thấp nhất là 109,5 %, cao nhất là 146%. Với tổng số tiền cho vay là 101.000.000đồng; tổng tiền lãi là 60.915.001đ; trong đó lãi hợp pháp là 8.071.233đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 52.843.768đồng (Năm mươi hai triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

Hành vi sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức "bán số lô, số đề ăn tiền" của bị cáo H đã phạm vào tội: "Tổ chức đánh bạc", được quy định tại điểm c

khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt phạt tiền từ 50.000.000đồng đến 300.000.000đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

…….

c) Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá là 20.000.000đồng trở lên.

Đối với bị cáo H ngoài hành vi đánh bạc bị xét xử, bị cáo còn cho 07 người vay với lãi suất từ 109,5 % năm đến 146 % năm diễn ra liên tục trong một thời gian. Theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: "Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay…".

Do đó có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính từ 30.000.000đ đến dưới 100.000.000đ … thì bị phạt tiền từ 50.000.000đ đến 200.000.000đ hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm".

Hành vi sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức "đánh số lô, số đề ăn tiền" của bị cáo S và H đã phạm vào tội: "Đánh bạc", được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt phạt tiền từ 20.000.000đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[4] Xét nhân thân, tính chất, mức độ, vai trò của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy đến thời điểm phạm tội, bị cáo được xác định là không có tiền án, tiền sự; nhưng bị cáo có nhân thân xấu; Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 89/HSST ngày 13/11/2000, TAND tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 09 tháng tù, về tội: "Trộm cắp tài sản"; ngày 04/02/1999 và 03/8/1999 Nguyễn Văn H bị Công an thị trấn X, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau, gây mất trật tự. Nhưng bị cáo không coi đó là bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân, nay lại tiếp tục phạm 02 tội là: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và tội: "Tổ chức đánh bạc";

Đối với tội: " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" phải áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và tội: "Tổ chức đánh bạc" cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn như đề nghị của Viện kiểm sát mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội, quy đổi theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù.

Riêng bị cáo S và H trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Đinh Văn S và Hoàng Văn H có bố tham gia kháng chiến được tặng huân chương kháng chiến. Nên 02 bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hai bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiêm hình sự nào. Trong vụ án "Đánh bạc", bị cáo S có số tiền đánh bạc mua số lô, số đề nhiều tiền hơn so với bị cáo H, nên mức hình phạt áp dụng cho bị cáo S cao hơn bị cáo H là phù hợp.

Xét thấy, hai bị cáo S và H đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Nên Hội đồng xét xử thấy, cho các bị cáo nhận được sự kHn hồng của pháp luật và có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về tội: "Đánh bạc". Vì vậy, không cần thiết bắt hai bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam, mà cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát, giáo dục với mức án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Đối với tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" của bị cáo Nguyễn Văn H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: "Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay…"

Giao dịch cho vay của bị cáo với 07 người vay với lãi suất gấp hơn 5 lần mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là giao dịch trái pháp luật. Nên toàn bộ số tiền gốc cho vay H đã nhận 81.000.000đồng là phương tiện phạm tội và số tiền lãi trong hạn quy định của pháp luật 8.071.233đồng là thu lời bất chính cần pH truy thu của bị cáo để sung quỹ Nhà Nước. Số tiền lãi vượt quá quy định là 52.843.768đồng buộc bị cáo phải trả lại cho 07 người vay gồm: Anh Nguyễn Ngọc L số tiền 6.642.124đồng; chị Dương Thị H là 4.413.699đồng; anh Nguyễn Văn V là 33.390.411đồng; chị Lê Thị Phương L là 5.517.123đồng; chị Nguyễn Thị T là 441.370đồng; anh Lưu Bá Q là 367.808đồng và anh Đàm Văn H số tiền là 2.071.233đồng.

Truy thu của 02 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) sung quỹ Nhà nước số tiền vay nặng lãi chưa trả cho bị Nguyễn Văn H gồm: Chị Dương Thị H phải nộp 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và chị Nguyễn Thị Phương L phải nộp là 5.000.000đồng.

[6] Đối với số tiền những người vay chưa trả cho bị cáo Nguyễn Văn H, nay bị cáo H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Đối với tội: "Tổ chức đánh bạc" và "Đánh bạc". Cần Truy thu, sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Nguyễn Văn H số tiền đánh bạc là 24.380.000đồng (Hai mươi tư triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng). Truy thu,

sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Đinh Văn S số tiền đánh trúng số lô, đề là 6.400.000đồng (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng);

[8] Về xử lý vật chứng:

Cần tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7, màu vàng của Nguyễn Văn H và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh của Hoàng Văn H, vì có liên quan đến hành vi phạm tội;

- Trả lại cho bị cáo Đinh Văn S 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen, số thuê bao 0913433884, số Imei: 353843083301685; vì không liên quan đến hành vi phạm tội, nH tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu bạc, có số Imei1: 863557051052814; số Imei2: 863557051052806, và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, số Imei: 013437001981876, vì không liên quan đến hành vi phạm tội; nH tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Về hình phạt bổ sung:

Đối với bị cáo H trong tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", cần phạt bổ sung bị cáo từ 30.000.000đồng đến 35.000.000đồng và tội: "Tổ chức đánh bạc" phạt bị cáo từ 20.000.000đồng đến 25.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước là phù hợp. Các bị cáo S và H đánh bạc sát phạt nhau ăn thua bằng tiền, nên cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng để sung công quỹ Nhà nước như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[10] Về án phí sơ thẩm: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và tội: "Tổ chức đánh bạc";

Tuyên bố bị cáo Đinh Văn S và bị cáo Hoàng Văn H phạm tội: "Đánh bạc".

*Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 36; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; quy đổi là 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù về tội: "Tổ chức đánh bạc".

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự; Buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 07 tháng 9 năm 2022.

*Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, 3 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đinh Văn S 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 08 (Tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đinh Văn S cho Uỷ ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, 3 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Văn H cho Uỷ ban nhân dân phường X, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

*Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự; phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn H 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước. Áp dụng khoản 3 Điều 322 của Bộ luật hình sự; phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn H 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước. Tổng số tiền bị cáo bị H bị phạt sung công quỹ Nhà nước là 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng);

Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự; phạt bổ sung bị cáo Đinh Văn S và Hoàng Văn H mỗi bị cáo là 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước;

*Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu, sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Nguyễn Văn H số tiền đánh bạc là 24.380.000đồng (Hai mươi tư triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng);

Truy thu, sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Đinh Văn S số tiền đánh trúng số lô, đề là 6.400.000đồng (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng);

Truy thu, sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Nguyễn Văn H tổng số tiền là 89.071.233đồng; (trong đó gồm là số tiền gốc cho vay lãi nặng là 81.000.000đồng và lãi suất trong hạn là 8.071.233đồng);

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải trả số tiền lãi vượt quá quy định cho 07 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền 52.843.768đồng gồm: Trả cho anh Nguyễn Ngọc L số tiền 6.642.124đồng; chị Dương Thị H là 4.413.699đồng; anh Nguyễn Văn V là 33.390.411đồng; chị Lê Thị Phương L là 5.517.123đồng; chị Nguyễn Thị T là 441.370đồng; anh Lưu Bá Q là 367.808đồng và anh Đàm Văn H số tiền là 2.071.233đồng.

Truy thu sung quỹ Nhà nước của chị Dương Thị H là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); của chị Lê Thị Phương L là 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

- Tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước của Nguyễn Văn H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng số Imei 356721084546507, đã cũ qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7, màu vàng số Imei 1: 867939047130035, Imei 2: 867939047130027, đã cũ qua sử dụng.

- Tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước của Hoàng Văn H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh số Imei 1: 869563044294657, Imei 2: 869563044294640, đã cũ qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Đinh Văn S 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, có số Imei: 353843083301685, đã cũ qua sử dụng; nH tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu bạc, có số Imei1: 863557051052814; số Imei2: 863557051052806, đã cũ đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng; nH tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Phúc Yên với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên lập ngày 17/3/2023)

*Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn H, Đinh Văn S và Hoàng Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan THA hình sự Công an thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc ;
- UBNDphường X, phường Đ;
-Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

LƯU THỊ THÚY